

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/2022

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng
2. Ông Nguyễn Hữu Nhân.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Võ Nam Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ **ngày 13 tháng 10 năm 2021**, về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 682/2022/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 790/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Man Tuấn T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Đội 2, thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số 116 Yết Kiêu, khu vực Nghiễm Hòa, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Man Tuấn T trình bày:** Anh và chị Nguyễn Thị Thu D tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định ngày 27/8/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà

cha mẹ chồng được hơn một tháng rưỡi thì ra thuê trọ ở riêng. Thời gian đầu, vợ chồng với nhau bình thường, nhưng về sau chị D chống phá nghề làm thuốc của anh, nói xấu anh với người ngoài và chi ly với anh trong chuyện tiền bạc. Anh muốn đi học thêm để được cấp chứng chỉ hành nghề nên nói với chị D phụ tiền cho anh đi học nhưng chị D không đưa còn chửi anh nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Anh còn cho rằng chị D không chung thủy, có những hành vi không chuẩn mực với người đàn ông khác trước mặt anh. Anh đã về sống với cha mẹ từ cuối tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Anh không còn tình cảm vợ chồng với chị D nữa, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Trước đây anh có yêu cầu chị D phải giao lại cho anh 03 chỉ vàng cưới loại vàng Y. Nhưng, ngày 28/3/2022 anh rút yêu cầu chia vàng không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung nữa.

Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

*** Trong quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị Thu D trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của anh T về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, nơi vợ chồng đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng được hơn một tháng rưỡi thì ra thuê trọ ở riêng. Vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, do cách sống không hợp, anh T ép chị giới thiệu với đồng nghiệp nơi chị làm là anh T chữa được bệnh bằng phương pháp “dị đoan”, chị không nghe theo thì bị anh T chửi. Ngoài ra, anh T thường đốt bùa ép chị phải uống làm cho chị thường xuyên đau bệnh. Do không thể chịu đựng được cách sống của anh T nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Chị mong muốn được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Man Tuấn T và chị Nguyễn Thị Thu D. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh T, chị D chưa có con chung. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Man Tuấn T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thu D có địa chỉ cư trú tại số 116 Yết Kiêu, khu vực Nghiễm Hòa, phường Nhơn

Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Man Tuấn T và chị Nguyễn Thị Thu D đã có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định ngày 27/8/2020 nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị D là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị D là có cơ sở xem xét. Xét về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị D, căn cứ vào lời trình bày của cả hai có cơ sở xác định, mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị D xuất phát từ việc lối sống của vợ chồng không hợp nhau, không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn dẫn đến không thể sống chung với nhau được nữa. Tại phiên tòa, anh T kiên quyết ly hôn, chị D cũng thống nhất ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Man Tuấn T và chị Nguyễn Thị Thu D.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T rút yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ về yêu cầu phân chia tài sản chung của anh T. Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Man Tuấn T phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 55, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

T xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Man Tuấn T và chị Nguyễn Thị Thu D.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không xét.

3. Về tài sản chung: Anh T rút yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ về yêu cầu phân chia tài sản chung của anh T. Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Anh Man Tuấn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 1.100.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004912

ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, còn lại 800.000đ hoàn trả cho anh T.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn nếu không đồng ý một phần hoặc toàn bộ bản án có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày T án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Chiến Trương Thị Hiệp

Lê Ngọc Quang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TX. An Nhơn;
- Chi cục THA TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang

